TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:11792/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5372/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1975.
Địa chỉ: 436/27/7 P, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H), sinh năm 1987.
Quốc tịch: Australia.
Địa chỉ: 1 R St Vic, Australia.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/8/2018, bản tự khai ngày 11/10/2018 của nguyên đơn ông Vũ Thanh H trình bày: Ông và bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) tự nguyên kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3696 quyển số 13 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2020. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống 01 tháng thì bà H trở về Australia sinh sống và làm việc còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Hai vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại, mỗi năm bà H đều về thăm ông. Bà H cũng làm thủ tục bảo lãnh ông sang Australia để đoàn tụ gia đình nhưng ông đã từ chối do ông còn có mẹ già ở Việt Nam nên giữa ông và bà H phát sinh mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Thu H để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Vũ Thanh H khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Vũ Thanh H khai không có.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 777/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Australia thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2019, lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 19 tháng 7 năm 2019 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 8 năm 2019, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 9 năm 2019.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, Bộ Tư pháp đã có công văn số 123/CH-BTP Bộ Tư pháp đề nghị Tòa án tối cao của bang Victoria, Ô-xtơ-rây-li-a thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp đối với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H).

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, Bộ Tư pháp đã có công văn số 904/BTP-PLQT thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H). Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Ô-xtơ-rây-li-a không được ủy thác tư pháp nêu trên do: Không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 276/TAND về thông báo trên cổng thông tin điện tử gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Ô-xtơ-rây-li-a thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 8 năm 2019, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 9 năm 2019 đối với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H).

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, Đại sứ quán Việt Nam tại Australia có công văn số 31-2019/LS-UTTP thông báo kết quả niêm yết nội dung ủy thác tại trụ sở Đại sứ quán nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tống đạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 13/8/2019, nguyên đơn ông Vũ Thanh H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý bận công việc.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Vũ Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) đang cư trú hợp pháp tại Australia thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Vũ Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) và ông Vũ Thanh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Vũ Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 3696 quyển số 13 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2020 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) và ông Vũ Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời khai của ông H thì vợ chồng chung sống ở hạnh phúc được 01 tháng thì bà H trở về Australia sinh sống và làm việc, còn ông vẫn sống ở Việt Nam. Hai vợ chồng thường xuyên liên lạc qua điện thoại, mỗi năm bà H đều về thăm ông. Bà H cũng làm thủ tục bảo lãnh ông sang Australia để đoàn tụ gia đình nhưng ông đã từ chối do ông còn có mẹ già ở Việt Nam nên giữa ông và bà H phát sinh mâu thuẫn. Ông đã cố gắng hàn gắn gia đình, thuyết phục bà H về Việt Nam sống cùng ông nhưng bà H không đồng ý nên hai vợ chồng ông vẫn mỗi người sống một nơi. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông H và bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun

đắp. Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp thông báo ngày giờ xét xử cho bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) nhưng bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) vắng mặt, không có văn bản trả lời và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chứng tỏ bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đượcnên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: ông Vũ Thanh H khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: ông Vũ Thanh H khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Vũ Thanh H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Thanh H.

Quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H).

Giấy chứng nhận kết hôn số 3696 quyển số 13 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2020 cấp cho ông Vũ Thanh H và bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Thanh H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0049684 ngày 13/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Thanh H đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Vũ Thanh H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Trần Thị Thu H (Tran Thi Thu H)thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt